TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-06-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Sơn

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 27 tháng 06 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trương Ngọc M**, sinh năm 1978 *(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)*

* Bị đơn: Anh **Lại Thành Th**, sinh năm 1975 *(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp Th L, xã Đ Th, huyện A M, tỉnh K G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019, biên bản hòa giải ngày 10/6/2019 nguyên đơn chị Trương Ngọc M trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Lại Thành Th chung sống với nhau vào năm 1992, từ khi chung sống với nhau cho đến nay không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thật sự hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vì vậy chị và anh Th ly thân nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay.

Về con chung: Chị và anh Lại Thành Th có 03 người con chung tên Lại Ngọc M, sinh năm 1993, Lại Ngọc D, sinh năm 1995, Lại Ngọc T, sinh năm 1997, hiện nay các con đều đã thành niên và có gia đình riêng, sống tự lập.

Về tài sản chung: Chị và anh Lại Thành Th không tranh chấp.

Về nợ chung: Chị và anh Lại Thành Th không nợ chung tài sản gì đối với ai khác.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Lại Thành Th;

- Về quan hệ nuôi con chung: Các con đã thành niên và có gia đình riêng, sống tự lập nên không yêu cầu xem xét;

- Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh Lại Thành Th không tranh chấp, không yêu cầu xem xét;

- Về quan hệ nợ chung: Chị và anh Lại Thành Th không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

** Tại bản tự khai ngày 04/6/2019, biên bản hòa giải ngày 10/6/2019 bị đơn anh Lại Thành Th trình bày:*

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn, ly thân, con chung họ tên ngày tháng năm sinh, tài sản chung và nợ chung là đúng như lời trình bày của chị Trương Ngọc M.

Theo yêu cầu của chị M, anh Th có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Th đồng ý ly hôn với chị M;

- Về quan hệ nuôi con chung: Các con đã thành niên và có gia đình riêng, sống tự lập nên không yêu cầu xem xét;

- Về quan hệ tài sản chung: Anh và chị Trương Ngọc M không tranh chấp, không yêu cầu xem xét;

- Về quan hệ nợ chung: Anh và chị Trương Ngọc M không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị Trương Ngọc M và bị đơn anh Lại Thành Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng chị M và anh Th chung sống với nhau vào năm 1992 cho đến nay không đăng ký kết hôn, nên Tòa án không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành mà phải mở phiên tòa theo quy định của pháp luật; ngày 10/6/2019 chị M và anh Th nộp đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th chung sống với nhau vào năm 1992, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú)*. Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (có hiệu lực ngày 03/01/1987). Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01/01/2001) và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *(có hiệu lực ngày 01/01/2015)* anh chị vẫn không đăng ký kết hôn, nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng",* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, nay chị M có yêu cầu ly hôn với anh Th, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận chị M và anh Th là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th xác định, anh chị có ba người con chung tên Lại Ngọc M, sinh năm 1993, Lại Ngọc D, sinh năm 1995, Lại Ngọc T, sinh năm 1997, hiện nay các con đều đã thành niên và có gia đình riêng, sống tự lập, chị M và anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trương Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 217; Điều 228; Điều 235 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th.

- *Về quan hệ con chung:* Các con chung của chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Chị Trương Ngọc M và anh Lại Thành Th không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Trương Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp, theo biên lai thu số 0006347 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị M đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Trương Ngọc M và bị đơn anh Lại Thành Th. Báo cho chị M và anh Th biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Đông Thạnh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới